

# CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

## Bài giảng 2

### Năng suất lao động và lợi thế so sánh: Mô hình của Ricardo (1817)

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

#### Mục tiêu nghiên cứu các học thuyết TMQT

- Làm rõ cơ chế nào được sử dụng để làm tăng lợi thế so sánh, từ đó thúc đẩy thương mại giữa các quốc gia?
- Sử dụng các học thuyết TMQT để giải thích các mô thức trao đổi thương mại và phân phối thu nhập.
- Nắm vững các học thuyết thương mại quốc tế để lý giải tại sao tự do hoá thương mại làm tăng lợi ích của các quốc gia.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

## 1) Những tác động của thương mại quốc tế

Tích cực	Tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế</li> <li>▪ Tạo nên sự giàu có cho các quốc gia</li> <li>▪ Nâng cao lợi ích của người tiêu dùng</li> <li>▪ Chuyển giao công nghệ</li> <li>▪ Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực</li> <li>▪ Tận dụng lợi thế do tăng quy mô</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Loại bỏ các doanh nghiệp trong nước</li> <li>▪ Ảnh hưởng đến việc làm của NLD</li> <li>▪ Ảnh hưởng đến sức khỏe của NTD</li> <li>▪ Nhập siêu, BOP mất cân đối</li> </ul>

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

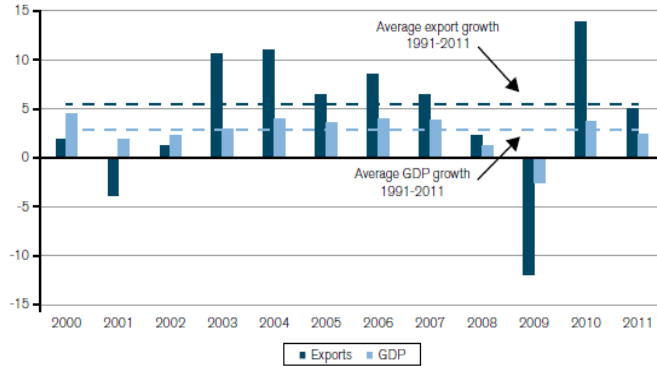
## 2) Những nét chính về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trên thế giới

- Xuất khẩu hàng hóa thế giới tăng trưởng 6-7% hàng năm
- Kể từ năm 1950 thương mại quốc tế tăng trưởng nhanh hơn giá trị tổng sản lượng của thế giới.
- Tổng giá trị thương mại hàng hóa năm 2004 tăng gấp 26 lần năm 1970

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

## Tăng trưởng giá trị thương mại quốc tế và GDP, 2000-2011

Figure 1.1: Growth in volume of world merchandise trade and GDP, 2000-11  
(annual percentage change)

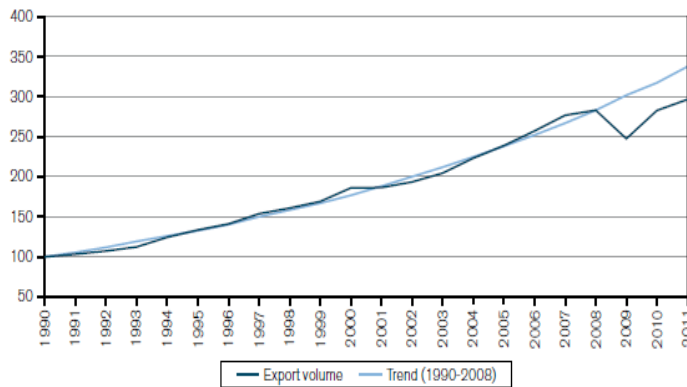


Source: WTO Secretariat.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

## Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa thế giới, 1990-2011

Figure 1.2: Volume of world merchandise exports, 1990-2011  
(indices, 1990=100)



Source: WTO Secretariat.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

## Giao thương hàng hóa giữa các khu vực

Trao đổi thương mại giữa các khu vực trên thế giới, 2000-2008 (%)

Nhóm các nước xuất khẩu	Năm	Tỷ trọng XK	Nhập khẩu		
			DCs	LDCs	Tổng
Các nước phát triển (DCs)	2000	65	75	25	100
	2005	59	73	27	100
	2008	56	71	29	100
Các nước đang phát triển (LDCs)	2000	35	58	42	100
	2005	41	53	47	100
	2008	44	48	52	100

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

### 3) Cơ chế nào thúc đẩy các quốc gia tham gia TMQT?

- Các quốc gia khác biệt nhau về khả năng sản xuất sản phẩm
  - ✓ Công nghệ
  - ✓ Cung ứng các yếu tố sản xuất
- Khả năng sinh lợi theo quy mô và sự cạnh tranh không hoàn hảo.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

#### 4) Học thuyết lợi thế so sánh (Ricardo, 1817)

- a. Khái niệm về lợi thế so sánh và quan điểm của học thuyết
- Một quốc gia có lợi thế so sánh trong việc sản xuất 1 sản phẩm nếu chi phí cơ hội của việc sản xuất sản phẩm trong quốc gia đó thấp hơn chi phí cơ hội của việc sản xuất sản phẩm đó ở các quốc gia khác
  - Lợi ích của các quốc gia tham gia vào TMQT sẽ tăng lên nếu các quốc gia đó tập trung vào việc sản xuất và xuất khẩu nhưng sản phẩm mà mình có lợi thế so sánh.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

#### b) Mô hình một nền kinh tế có một yếu tố sản xuất

- Yêu cầu lao động để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm

	Phô mai (C)	Rượu (W)
Nước chủ nhà (H)	$a_{LC} = 10$	$a_{LW} = 13.33$
Nước ngoài (F)	$a^*_{LC} = 40$	$a^*_{LW} = 20$

- Chi phí cơ hội (cố định)

	Phô mai (C)	Rượu (W)
Nước chủ nhà (H)	$a_{LC}/a_{LW} = 0.75$	$a_{LW}/a_{LC} = 1.33$
Nước ngoài (F)	$a^*_{LC}/a^*_{LW} = 2$	$a^*_{LW}/a^*_{LC} = 0.5$

- Tổng nguồn lực của nền kinh tế L (=100)

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

### Lợi thế tương đối và lợi ích thương mại

Tổng giờ lao động = 100	Chủ nhà (H)		Nước ngoài (F)	
	Phô mai (C)	Rượu (W)	Phô mai (C)	Rượu (W)
Số giờ lao động để sx 1 đơn vị SP	10	13.33	40	20
SX & tiêu dùng không có thương mại	5	3.75	1.25	2.5
Chi phí cơ hội	0.75	1.33	2	0.5
Sản xuất với sự chuyên môn hóa	7.5	1.87	0	5
Tiêu dùng sau khi H trao đổi 2 đơn vị phô mai với 2 đơn vị rượu với F	5.5	3.87	2	3
Lợi ích thương mại khi có sự chuyên môn hóa và trao đổi thương mại	+0.5	+0.12	+0.75	+0.5

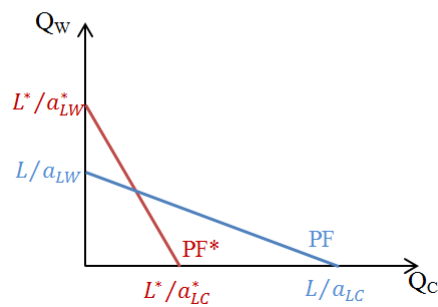
GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

- Mô hình lợi thế so sánh (2 nước, 2 sp, 1 yếu tố sx)

$$H: a_{LC} Q_C + a_{LW} Q_W \leq L$$

$$F: a^*_{LC} Q^*_C + a^*_{LW} Q^*_W \leq L^*$$

**Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)**



GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

✓ Giá tương đối và cung ứng sản phẩm

$P_C$  = giá đơn vị của phô mai;  $P_W$  = giá đơn vị của rượu

→ Giá tương đối:  $P_C / P_W$

Tiền lương giờ sản xuất 1 đơn vị sản phẩm

– Phô mai: H:  $P_C/a_{LC}$       F:  $P_W/a_{LW}$

– Rượu:    H:  $P_C/a^*_{LC}$       F:  $P_W/a^*_{LW}$

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

✓ Cung ứng sản phẩm

- H sẽ chuyên môn hoá, sản xuất phô mai nhiều hơn nếu

$$P_C / P_W > a_{LC}/a_{LW} \quad (\text{giá tương đối} > \text{chi phí cơ hội})$$

- H sẽ chuyên môn hoá, sản xuất rượu nhiều hơn nếu

$$P_C / P_W < a_{LC}/a_{LW}$$

c) Thương mại trong thế giới có một yếu tố sản xuất

- Không mất tính tổng quát, giả sử

$$a_{LC}/a_{LW} < a^*_{LC}/a^*_{LW}$$

- H có lợi thế so sánh trong việc sx phô mai; còn F là rượu

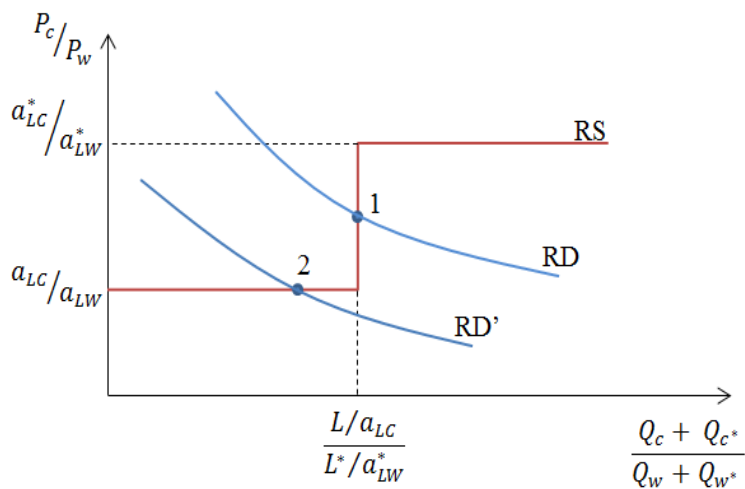
GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

▪ Cung ứng sản phẩm ở 2 quốc gia

- ✓ Nếu  $P_C/P_W < a_{LC}/a_{LW} < a_{LC}^*/a_{LW}^*$ : H sx rượu; F sx rượu
- ✓ Nếu  $P_C/P_W = a_{LC}/a_{LW} < a_{LC}^*/a_{LW}^*$ : H sx 2 SP; F sx rượu
- ✓ Nếu  $a_{LC}/a_{LW} < P_C/P_W < a_{LC}^*/a_{LW}^*$ : H sx phô mai; F sx rượu
- ✓ Nếu  $a_{LC}/a_{LW} < P_C/P_W = a_{LC}^*/a_{LW}^*$ : H sx phô mai; F sx 2 SP
- ✓ Nếu  $a_{LC}/a_{LW} < a_{LC}^*/a_{LW}^* < P_C/P_W$ : H sx phô mai; F sx phô mai

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

**Cung cầu tương đối của thế giới**



GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương



- Thương mại và lợi ích của thương mại
- ✓ Giả sử H có 2 giờ lao động
- ✓ Khi không có thương mại H sx  $1/a_{LC}$  phô mai và  $1/a_{LW}$  rượu
- ✓ H chuyên môn hóa sử dụng 2 giờ lao động sx phô mai và dùng  $1/a_{LC}$  đơn vị phô mai để trao đổi với rượu
- ✓  $(P_C/P_W)(1/a_{LC}) > (1/a_{LW})$  vì  $P_C/P_W > a_{LC}/a_{LW}$

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

- Tiền lương tương đối và lợi thế so sánh
- ✓ Lợi thế cạnh tranh của 1 ngành không chỉ phụ thuộc vào năng suất lao động của nó so với ngành đó ở nước ngoài mà nó còn phụ thuộc vào đơn giá tiền lương nội địa so với đơn giá tiền lương ở nước ngoài

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

d) Một số luận điểm sai lầm về lợi thế so sánh

- ✓ Tự do thương mại chỉ mang lại lợi ích cho những quốc gia có đủ sức cạnh tranh quốc tế.
- ✓ Cạnh tranh nước ngoài là không công bằng và làm tổn hại đến các quốc gia khác khi nó dựa trên chi phí lao động thấp.
- ✓ Thương mại bóc lột một quốc gia và làm nó tồi tệ hơn nếu như những công nhân của quốc gia đó nhận được lương thấp hơn nhiều so với công nhân của những quốc gia khác.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương

e) Những hạn chế học thuyết lợi thế so sánh

- Không đề cập đến chi phí vận chuyển giữa các nước
- Giả định suất sinh lợi không đổi theo quy mô
- Tự do hoá thương mại không làm tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực.
- Giả định rằng các nguồn lực dịch chuyển một cách tự do từ ngành này sang ngành khác trong một quốc gia.
- Không đề cập đến ảnh hưởng của thương mại lên sự phân phối thu nhập trong một quốc gia.

GV. Đinh Công Khải – FETP: Chính sách ngoại thương